

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 02 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Danh.

Ông Lâm Ngọc Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Mộng Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Diễm Tr, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Xuân D, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

(Chị Tr có mặt, anh D có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 10 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Diễm Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh D tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng ngày 26-5-2016. Thời

gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc, thời gian sau phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng ý kiến, anh D không chăm lo cho gia đình. Từ tháng 03-2021 Chị Tr và anh D không còn chung sống với nhau. Chị Tr nhận thấy hôn nhân giữa chị và anh D không thể hàn gắn được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh D .

Về con chung: Thời gian chung sống Chị Tr, anh D có 03 (ba) con chung tên Huỳnh Xuân N, sinh ngày 24-8-2014; Huỳnh Thị Xuân Ng, sinh ngày 19-6-2016 và Huỳnh Xuân Ph, sinh ngày 09-3-2019. Các con chung hiện do Chị Tr chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, Chị Tr yêu cầu được nuôi dưỡng 03 (ba) con chung đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 02 năm 2023, bị đơn anh Huỳnh Xuân D trình bày:*

Anh D thống nhất với Chị Tr về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Thời gian chung sống anh và Chị Tr phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được nữa nên anh D đồng ý ly hôn với Chị Tr. Các con hiện đang sống cùng với Chị Tr, cuộc sống đã ổn định nên anh D đồng ý giao các con cho Chị Tr nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và anh D không phải cấp dưỡng cho con. Thời gian chung sống anh và Chị Tr không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

- *Tại Văn bản số: 333/VHTT ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Châu Thành:*

Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Châu Thành không có ý kiến về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa Chị Tr và anh D ; các yêu cầu về ly hôn, nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:*

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Tr, cụ thể: Chị Tr được ly hôn với anh D ; Giao 03 (ba) con chung tên Huỳnh Xuân N, sinh ngày 24-8-2014; Huỳnh Thị Xuân Ng, sinh ngày 19-6-2016 và Huỳnh Xuân Ph, sinh ngày 09-3-2019 cho Chị Tr nuôi dưỡng đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị Tr không yêu cầu nên anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Tr và anh D thống nhất không có tài sản

chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Phạm Thị Diễm Tr khởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi con với bị đơn anh Huỳnh Xuân D. Anh D cư trú tại Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, anh D có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Chị Tr yêu cầu vẫn tiến hành xét xử. Kiểm sát viên đề nghị vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy, anh D có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt và đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr, anh D tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 64/2016 ngày 26-5-2016. Tại thời điểm kết hôn, Chị Tr, anh D đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa Chị Tr, anh D được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của Chị Tr, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn Chị Tr, anh D chung sống hạnh phúc, thời gian sau phát sinh mâu thuẫn do tính tình không còn phù hợp, bất đồng ý kiến, anh D không chăm lo cho gia đình, từ tháng 3-2021 anh, chị không còn chung sống với nhau. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa Chị Tr, anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Chị Tr yêu cầu được ly hôn với anh D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[5] Về con chung: Theo Giấy khai sinh số: 246/2014 ngày 10-9-2014; Giấy khai sinh số: 150 ngày 12-7-2016; Giấy khai sinh số: 240 ngày 10-4-2019 của Ủy ban nhân dân xã An Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thì Chị Tr, anh D có 03

(ba) con chung tên Huỳnh Xuân N (giới tính: Nữ), sinh ngày 24-8-2014; Huỳnh Thị Xuân Ng (giới tính: Nữ), sinh ngày 19-6-2016 và Huỳnh Xuân Ph (giới tính: Nam), sinh ngày 09-3-2019. Chị Tr yêu cầu được nuôi dưỡng 03 (ba) con chung đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi, anh D thống nhất với yêu cầu này của Chị Tr. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Chị Tr và anh D đã thống nhất được với nhau về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, sự thống nhất này là do các bên tự nguyện, đảm bảo cuộc sống của con chung không bị xáo trộn, cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên được chấp nhận.

[6] Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy, tại Khoản 1 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi”* và Khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”*. Theo quy định viện dẫn, anh D là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con chung được sống với Chị Tr. Đồng thời, anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[7] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Hội đồng xét xử xét thấy, tại Khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*. Theo quy định viện dẫn, anh D là người không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, Chị Tr không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng cho con nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr, anh D thống nhất là không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Như đã nhận định, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Chị Tr là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Diễm Tr được ly hôn với anh Huỳnh Xuân D.

2. Về con chung: Giao 03 (ba) con chung tên Huỳnh Xuân N (giới tính: Nữ), sinh ngày 24-8-2014; Huỳnh Thị Xuân Ng (giới tính: Nữ), sinh ngày 19-6-2016 và Huỳnh Xuân Ph (giới tính: Nam), sinh ngày 09-3-2019 cho chị Phạm Thị Diễm Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh Huỳnh Xuân D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Phạm Thị Diễm Tr không yêu cầu anh Huỳnh Xuân D phải cấp dưỡng cho con nên không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Diễm Tr và anh Huỳnh Xuân D thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị Diễm Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí, án phí số: 000565 ngày 05-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Chị Phạm Thị Diễm Tr đã nộp xong án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành

án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Phú Tân, huyện Châu Thành;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thành Đạt